TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/HS-ST
Ngày 22-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH T

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Văn Be;

Ông Nguyễn Văn Vân.

-***Thư ký phiên tòa***: Bà Đàm Nguyên Phượng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T tham gia phiên toà*:** Ông Võ Hoàng Nhân, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2023, đối với bị cáo:

Trần Đình T, sinh năm 1990, tại tỉnh T; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh T; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc T (chết) và bà Nguyễn Thị Đ; vợ: Nguyễn Ngọc C, con: có 01 con sinh năm 2010; tiền án; tiền sự: Không có.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/3/2023 chuyển tạm giam ngày 28/3/2023 đến nay; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ 00 phút ngày 25/3/2023, tại khu vực ấp B, xã T, huyện C, tỉnh T, Công an huyện C, tỉnh T kết hợp Công an xã T tiến hành kiểm tra bắt qủa tang Trần Đình T đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ trong túi quần phía trước bên trái của T 01 bịch nylon màu trắng có một đầu xếp viền màu xanh trong có chứa tinh thể rắn màu trắng (kí hiệu M1) và một số đồ vật khác.

Tiến hành khám xét nơi ở của T không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Quá trình điều tra chứng minh được: Trần Đình T là người nghiện ma tuý, khoảng 21 giờ ngày 25/3/2023, T đang ở nhà mẹ ruột tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh T, do có nhu cầu sử dụng ma tuý nên T điều khiển xe môtô biển số 70G1- 276.61 chạy đến khu vực ngã ba M thuộc phường H, thị xã H, tỉnh T gặp một người đàn ông tên Hai (không rõ họ, tên và địa chỉ) mua 01 bịch ma tuý với số tiền 200.000 đồng đem về sử dụng thì bị phát hiện bắt quả tang.

Kết luận giám định số: 461/KL-KTHS ngày 28/3/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T đối với mẫu thu giữ của Trần Đình T, kết luận:

-Mẫu thu giữ (ký hiệu M1) gửi đến giám định là chất ma túy; loại Methamphetamine, khối lượng 0,2718 gam;

Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: Chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh T:

+ Một bì thư được niêm phong ghi vụ số 461 có chữ ký xác nhận của giám định viên Nguyễn Văn Nguyện, trợ lý Nguyễn Chí Lợi và được đóng dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T.

+ Một điện thoại di động nhãn hiệu: Nokia; Màu: đen; Số Sêri 1: 353108110440165; Số sêri 2: 353108110940164 (đã qua sử dụng) của bị cáo T;

Qua xác minh bị cáo T không có tài sản nên không tiến hành kê biên.

Tại phiên tòa: Bị cáo T khai nhận vì bản thân nghiện ma túy nên mua ma túy về sử dụng thì bị bắt quả tang.

Bản cáo trạng số: 35/CT-VKS ngày 19/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T đã truy tố bị cáo Trần Đình T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Đình T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo T từ 01 năm đến 02 năm tù.

Xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Xử lý vật chứng theo quy định.

Bị cáo T nói lời nói sau cùng: Bị cáo biết mình vi phạm pháp luật do còn thiếu hiểu biết, xin giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sửa đổi bản thân.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh T, Điều tra viên,Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo thể hiện:

Bị cáo Trần Đình T là người nghiện ma tuý, ngày 25/3/2023 bị cáo mua 200.000 đồng 01 bịch ma tuý cất giữ trong người để sử dụng thì bị Công an huyện C, tỉnh T kiểm tra bắt quả tang, thu giữ trong túi quần phía trước bên trái của T 01 bịch ma tuý loại Methamphetamine, khối lượng 0,2718 gam.

Tại phiên tòa, bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội lời nhận tội của bị cáo phù hợp với Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, cùng các tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ. Đủ căn cứ kết luận bị cáo Trần Đình T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm về sự độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy; Tội phạm về ma túy là loại tội phạm có tính chất nguy hiểm cao cho xã hội, không những gây ra những thiệt hại to lớn cho lợi ích nhà nước và của công dân mà còn làm băng hoại đạo đức, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của con người cũng như ảnh hưởng đến việc phát triển giống nòi, gây mất trật tự an toàn xã hội và cũng chính là nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm khác. Xét thấy, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Xét về tính chất mức độ phạm tội của bị cáo: Bị cáo T là người thành niên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C tại phiên tòa đề nghị áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo T là có căn cứ.

[6] Khi quyết định hình phạt có xem xét:

Về tình tiết tăng nặng: Không có;

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo T không có tài sản riêng, không có thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Các biện pháp tư pháp:

Xử lý vật chứng gồm: Một bì thư được niêm phong ghi vụ số 461 có chữ ký xác nhận của giám định viên Nguyễn Văn Nguyện, trợ lý Nguyễn Chí Lợi và được đóng dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T. Xét thấy đây là vật

thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

Thu giữ của bị cáo T 01 điện thoại di động nhãn hiệu: Nokia; Màu: đen; Số Sêri 1: 353108110440165; Số sêri 2: 353108110940164 (đã qua sử dụng), xét thấy đây là phương tiện bị cáo dùng vào việc thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Đình T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Đình T 02 (Hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 25/3/2023.

2. Việc xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

Một điện thoại di động nhãn hiệu: Nokia; Màu: đen; Số Sêri 1: 353108110440165; Số sêri 2: 353108110940164 (đã qua sử dụng).

Tịch thu tiêu hủy:

Một bì thư được niêm phong ghi vụ số 461 có chữ ký xác nhận của giám định viên Nguyễn Văn Nguyện, trợ lý Nguyễn Chí Lợi và được đóng dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Buộc bị cáo Trần Đình T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

4. Án hình sự sơ thẩm xử công khai, báo cho bị cáo T biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh T trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV-TAND t.T;
- VKSND h.C,t.T;
- Công an h.C,t.T;
- Chi cục THADS h.C,t.T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp tỉnh T;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Hương

Thành viên
Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Hương